

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình: Chương trình cử nhân Kỹ thuật Dệt may

Trình độ đào tạo: Đại học

Chương trình được thiết kế phù hợp với các ngành đào tạo:

Công nghệ May Mã ngành: 52540204

Với 2 định hướng:

Công nghệ Sản phẩm May

Thiết kế Sản phẩm May

Bằng tốt nghiệp: Cử nhân Kỹ thuật

(Ban hành tại Quyết định số 561 /QĐ-ĐHBK-ĐTĐH ngày 25 /04/2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa Hà Nội)

1 Mục tiêu chương trình

Mục tiêu của Chương trình cử nhân ngành Kỹ thuật Dệt may là trang bị cho người tốt nghiệp:

- (1) Kiến thức cơ sở chuyên môn vững chắc để thích ứng tốt với những công việc khác nhau trong lĩnh vực dệt may và thời trang.
- (2) Kỹ năng chuyên nghiệp và phẩm chất cá nhân cần thiết để thành công trong nghề nghiệp;
- (3) Kỹ năng xã hội cần thiết để làm việc hiệu quả trong nhóm đa ngành và trong môi trường quốc tế;
- (4) Năng lực tham gia phát triển sản phẩm, tham gia xây dựng các giải pháp kỹ thuật, các dự án trong sản xuất và kinh doanh sản phẩm dệt may và thời trang.
- (5) Phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

Sau khi tốt nghiệp, tùy theo định hướng đã được lựa chọn, cử nhân Kỹ thuật Dệt may có thể làm việc ở các cơ sở sản xuất dệt, nhuộm và hoàn tất, sản xuất sản phẩm may, thiết kế sản phẩm may, thiết kế thời trang. Ngoài ra, có thể làm việc tại các viện nghiên cứu, các trường đào tạo (trung cấp, cao đẳng, đại học) có các ngành tương ứng với định hướng đã lựa chọn. Họ cũng có thể làm việc tại các cơ quan và tổ chức quản lý có liên quan đến định hướng đã lựa chọn, hoặc học tiếp lên trình độ kỹ sư và thạc sĩ.

2 Chuẩn đầu ra – Kết quả mong đợi

Sau khi tốt nghiệp, Cử nhân ngành Kỹ thuật Dệt may của Trường ĐHBK Hà Nội phải có được:

1. Kiến thức cơ sở chuyên môn cần thiết để thích ứng tốt với những công việc khác nhau trong lĩnh vực rộng của dệt may thời trang:
 - 1.1 Khả năng áp dụng kiến thức cơ sở (Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học) để mô tả, tính toán các quá trình sản xuất sản phẩm dệt may thời trang.
 - 1.2 Khả năng áp dụng kiến thức cơ sở kỹ thuật (Kỹ thuật điện, kỹ thuật nhiệt, cơ học, quản lý điều hành sản xuất, quản lý chất lượng và marketing sản phẩm dệt may, an toàn lao động và môi trường dệt may, vật liệu dệt may, cơ sở mỹ thuật sản phẩm dệt may, v.v.) để nghiên cứu, phân tích nguyên liệu, sản phẩm và các quá trình sản xuất sợi, vải, sản phẩm may, sáng tạo thiết kế sản phẩm dệt may và thời trang.

- 1.3 Khả năng áp dụng kiến thức kỹ thuật về:
- Công nghệ Sản phẩm May (công nghệ gia công sản phẩm may, thiết bị may công nghiệp, thực hành may, thiết kế mẫu sản xuất, thiết kế sản phẩm theo đơn hàng, thiết kế công nghệ quá trình sản xuất may, thiết kế dây chuyền may, tin học ứng dụng trong sản xuất công nghiệp may) để thiết lập quy trình công nghệ sản xuất và đánh giá chất lượng sản phẩm may trong sản xuất công nghiệp.
 - Thiết kế Sản phẩm May (thiết kế trang phục, thiết kế mẫu sản xuất trong công nghiệp, thiết kế mẫu theo đơn hàng, công nghệ gia công sản phẩm may, cơ sở tạo mẫu trang phục, tin học ứng dụng trong thiết kế sản phẩm may) để thiết kế sản phẩm, xây dựng quy trình công nghệ may và đánh giá chất lượng thiết kế sản phẩm may trong sản xuất công nghiệp.
2. Kỹ năng chuyên nghiệp và phẩm chất cá nhân cần thiết để thành công trong nghề nghiệp:
- 2.1 Lập luận phân tích và giải quyết vấn đề kỹ thuật.
 - 2.2 Khả năng thử nghiệm, nghiên cứu và khám phá tri thức.
 - 2.3 Tư duy hệ thống và tư duy phê bình.
 - 2.4 Tính năng động, sáng tạo và nghiêm túc.
 - 2.5 Đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp.
 - 2.6 Hiểu biết các vấn đề đương đại và ý thức học suốt đời.
3. Kỹ năng xã hội cần thiết để làm việc hiệu quả trong nhóm đa ngành và trong môi trường quốc tế:
- 3.1 Kỹ năng tổ chức, quản lý và làm việc theo nhóm (đa ngành).
 - 3.2 Kỹ năng giao tiếp hiệu quả thông qua viết, thuyết trình, biết sử dụng hiệu quả các công cụ và phương tiện hiện đại trong viết và thuyết trình.
 - 3.3 Kỹ năng sử dụng tiếng Anh hiệu quả trong công việc, đạt điểm TOEIC ≥ 450 .
4. Năng lực tham gia phát triển sản phẩm, xây dựng giải pháp kỹ thuật trong sản xuất sản phẩm dệt may và thời trang:
- 4.1 Nhận thức về mối liên hệ mật thiết giữa giải pháp kỹ thuật với các yếu tố kinh tế, xã hội và môi trường trong thế giới toàn cầu hóa.
 - 4.2 Năng lực tham gia xây dựng dự án.
 - 4.3 Năng lực thiết kế sản phẩm, thiết lập công nghệ và tham gia xây dựng các giải pháp kỹ thuật để sản xuất sản phẩm.
 - 4.4 Năng lực triển khai chế tạo sản phẩm, thực hiện các giải pháp kỹ thuật.
 - 4.5 Năng lực vận hành các trang thiết bị để chế tạo sản phẩm và thực hiện các giải pháp kỹ thuật.
5. Phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc:
- 5.1 Có trình độ lý luận chính trị theo chương trình quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
 - 5.2 Có chứng chỉ Giáo dục thể chất và chứng chỉ Giáo dục quốc phòng-An ninh theo chương trình quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3 Thời gian đào tạo và khối lượng kiến thức toàn khóa

- **Thời gian đào tạo theo thiết kế: 4 năm** (8 học kỳ chính). Theo quy chế đào tạo, để hoàn thành chương trình sinh viên có thể rút ngắn tối đa 3 học kỳ hoặc kéo dài tối đa 5 học kỳ.
- **Khối lượng kiến thức toàn khóa: 133 tín chỉ** (TC).

4 Đối tượng tuyển sinh

- Học sinh tốt nghiệp phổ thông trúng tuyển kỳ thi đại học khối A vào nhóm ngành phù hợp của Trường ĐHBK Hà Nội theo quy chế chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Người đã tốt nghiệp đại học các ngành khác có thể học chương trình thứ hai theo quy chế

chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo những quy định cụ thể của Trường ĐHBK Hà Nội.

5 Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp áp dụng *Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng chính quy theo học chế tín chỉ* của Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.

6 Thang điểm

Điểm chữ (A, B, C, D, F) và thang điểm 4 quy đổi tương ứng được sử dụng để đánh giá kết quả học tập chính thức. Thang điểm 10 được sử dụng cho điểm thành phần (điểm tiện ích) của học phần.

	Thang điểm 10 (điểm thành phần)	Thang điểm 4	
		Điểm chữ	Điểm số
Điểm đạt*	từ 9,5 đến 10	A+	4,0
	từ 8,5 đến 9,4	A	4,0
	từ 8,0 đến 8,4	B+	3,5
	từ 7,0 đến 7,9	B	3,0
	từ 6,5 đến 6,9	C+	2,5
	từ 5,5 đến 6,4	C	2,0
	từ 5,0 đến 5,4	D+	1,5
	từ 4,0 đến 4,9	D	1,0
Không đạt	Dưới 4,0	F	0

* Riêng TTTN và ĐATN: Điểm tổng kết học phần từ C trở lên mới được coi là đạt.

7 Nội dung chương trình

7.1 Cấu trúc chương trình đào tạo toàn khóa

TT	PHẦN CHƯƠNG TRÌNH	KHỐI LƯỢNG (Tín chỉ, TC)	GHI CHÚ
1	Giáo dục đại cương	50	
1.1	Toán và khoa học cơ bản	32	26 chung khối ngành kỹ thuật
1.2	Lý luận chính trị	12	Theo chương trình quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo
1.3	Giáo dục thể chất	(5)	
1.4	Giáo dục quốc phòng-an ninh	(10 TC hay 165 tiết)	
1.5	Tiếng Anh (TOEIC I và TOEIC II)	6 TC	
2	Giáo dục chuyên nghiệp	83	
2.1	Cơ sở và cốt lõi của ngành	45	Trong đó có 3 TC đồ án
2.2	Tự chọn theo định hướng	22	
2.3	Tự chọn tự do	8	Chọn trong danh sách do Viện phê duyệt
2.4	Thực tập kỹ thuật	2	
2.5	Đồ án tốt nghiệp cử nhân	6	
	Tổng khối lượng chương trình	133	

7.2 Danh mục học phần chi tiết của chương trình đào tạo

7.2.1. Danh mục học phần chung khối kỹ thuật

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	KHỐI LƯỢNG	KỶ HỌC THEO KH CHUẨN									
				1	2	3	4	5	6	7	8		
		Lý luận chính trị	12 TC										
1	SSH1110	Những NLCB của CN Mác-Lênin I	2(2-1-0-4)	2									
2	SSH1120	Những NLCB của CN Mác-Lênin II	3(3-0-0-6)		3								
3	SSH1050	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2(2-0-0-4)			2							
4	SSH1130	Đường lối CM của Đảng CSVN	3(3-0-0-6)				3						
5	EM1170	Pháp luật đại cương	2(2-0-0-4)	2									
		Giáo dục thể chất	(5 TC)										
6	PE1010	Giáo dục thể chất A	1(0-0-2-0)	x									
7	PE1020	Giáo dục thể chất B	1(0-0-2-0)		x								
8	PE1030	Giáo dục thể chất C	1(0-0-2-0)			x							
9	PE2010	Giáo dục thể chất D	1(0-0-2-0)				x						
10	PE2020	Giáo dục thể chất E	1(0-0-2-0)					x					
		Giáo dục quốc phòng-an ninh	(8 TC)										
11	MIL1110	Đường lối quân sự của Đảng	3(3-0-0-6)	x									
12	MIL1120	Công tác quốc phòng-an ninh	3(3-0-0-6)		x								
13	MIL1130	QS chung và KCT bắn súng AK	4(3-1-1-8)			x							
		Ngoại ngữ	6 TC										
14	FL1101	Tiếng Anh TOEIC I	3(0-6-0-6)	3									
15	FL1102	Tiếng Anh TOEIC II	3(0-6-0-6)		3								
		Toán và khoa học cơ bản	26 TC										
16	MI1110	Giải tích I	4(3-2-0-8)	4									
17	MI1120	Giải tích II	3(2-2-0-6)		3								
18	MI1130	Giải tích III	3(2-2-0-6)		3								
19	MI1140	Đại số	4(3-2-0-8)	4									
20	PH1110	Vật lý I	3(2-1-1-6)	3									
21	PH1120	Vật lý II	3(2-1-1-6)		3								
22	EM1010	Quản trị học đại cương	2(2-0-0-4)		2								
23	IT1110	Tin học đại cương	4(3-1-1-8)			4							
CỘNG			44 TC	18	17	6	3						

Ghichú:

- Yêu cầu về Tiếng Anh:** SV có điểm TOEIC từ 290 được miễn Tiếng Anh TOEIC I, từ 330 được miễn Tiếng Anh TOEIC II. Trước khi làm ĐATN, SV phải đạt 450 TOEIC (trừ một số chương trình đặc biệt có ngoại ngữ chính khác tiếng Anh thì yêu cầu tiếng Anh phải đạt 330 TOEIC).
- Các học phần GDTC và GDQP:** Có chứng chỉ riêng, không xét trong tổng khối lượng kiến thức cho một chuyên ngành đào tạo và trong tính điểm trung bình chung của sinh viên. Thời gian học và nội dung theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7.2.2. Danh mục học riêng của chương trình

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	KHỐI LƯỢNG	KỶ HỌC THEO KH CHUẨN									
				1	2	3	4	5	6	7	8		
Bổ sung toán và khoa học cơ bản			6 TC										
1	CH1010	Hóa học đại cương	3(2-1-1-6)			3							
2	CH3225	Hóa hữu cơ	3(2-1-1-6)				3						
Cơ sở và cốt lõi ngành			45 TC			9	12	9	5	10			
3	EE2010	Kỹ thuật điện	3(2-1-1-6)			3							
4	ME2015	Đồ họa kỹ thuật cơ bản	3(3-1-0-6)			3							
5	TEX2000	Nhập môn kỹ thuật dệt may	3(2-0-2-6)			3							
6	HE2010	Kỹ thuật nhiệt	3(3-1-0-6)				3						
7	ME3190	Sức bền vật liệu	2(2-0-0-4)				2						
8	ME2040	Cơ học kỹ thuật	3(2-2-0-6)				3						
9	TEX3050	Vật liệu dệt may	4(4-0-0-8)				4						
10	ME3060	Nguyên lý máy	3(3-0-1-6)					3					
11	TEX3060	Thực hành kiểm tra và phân tích vật liệu dệt may	2(0-0-4-4)					2					
12	TEX3090	Cơ sở mỹ thuật sản phẩm dệt may	2(2-1-0-4)					2					
13	TEX3080	Cấu trúc vải	2(2-0-1-4)					2					
14	TEX3040	Tiếng Anh chuyên ngành dệt may	3(3-1-0-6)						3				
15	TEX3030	Marketing dệt may	2(2-0-0-4)						2				
16	TEX3070	An toàn lao động và môi trường dệt may	2(2-0-0-4)								2		
17	TEX3021	Quản lý chất lượng dệt may	3(3-0-0-6)								3		
18	TEX3010	Quản lý sản xuất dệt may	2(2-1-0-4)								2		
19	TEX3101	Đồ án thiết kế	3(0-0-6-6)									3	
Ngành Công nghệ may													
Định hướng Công nghệ sản phẩm may			22 TC					10	10	2			
20	TEX4342	Công nghệ gia công sản phẩm may	2(2-0-0-4)					2					
21	TEX4352	Thực hành may cơ bản	3(0-0-6-6)					3					
22	TEX4282	Thiết kế mẫu sản xuất	2(0-0-4-4)					2					
23	TEX4372	Thực hành may nâng cao	2(0-0-4-4)						2				
24	TEX4272	Thiết kế sản phẩm may theo đơn hàng	2(0-0-4-4)								2		
25	TEX4332	Thiết bị may công nghiệp	3(3-1-0-6)					3					
26	TEX4362	Công nghệ sản xuất sản phẩm may	2(2-0-0-4)						2				
27	TEX4002	Thiết kế công nghệ quá trình sản xuất may	2(0-0-4-4)							2			
28	TEX4322	Thiết kế dây chuyền may	2(2-1-0-4)							2			
29	TEX4302	Tin học ứng dụng trong sản xuất công nghiệp may	2(0-0-4-4)							2			

Tự chọn tự do (chọn 8TC trong các học phần của các định hướng khác do Viện giảng dạy)			8 TC						2-4	2	2-4
Định hướng Thiết kế sản phẩm may			22 TC					9	8	5	
30	TEX4342	Công nghệ gia công sản phẩm may	2(2-0-0-4)					2			
31	TEX4352	Thực hành may cơ bản	3(0-0-6-6)					3			
32	TEX4282	Thiết kế mẫu sản xuất	2(0-0-4-4)					2			
33	TEX4372	Thực hành may nâng cao	2(0-0-4-4)						2		
34	TEX4272	Thiết kế sản phẩm may theo đơn hàng	2(0-0-4-4)							2	
35	TEX4382	Thiết kế trang phục	2(2-1-0-4)					2			
36	TEX4262	Thực hành thiết kế trang phục	3(0-0-6-6)						3		
37	TEX4312	Cơ sở tạo mẫu trang phục	3(1-0-4-6)						3		
38	TEX4252	Tin học ứng dụng trong thiết kế sản phẩm may	3(0-0-6-6)							3	
Tự chọn tự do (chọn 8TC trong các học phần của các định hướng khác do Viện giảng dạy)			8 TC						2-4	2	2-4
Thực tập, đồ án tốt nghiệp CỬ NHÂN			8 TC								8
39	TEX4912	Thực tập kỹ thuật	2(0-0-6-4)								2
40	TEX4922	Đồ án tốt nghiệp	6(0-0-12-12)								6
Cộng khối lượng toàn khóa			133	18	17	18	18	19	17	16	10